

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 6 - 2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Hoàng Thị Diệu Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Như Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981;

Địa chỉ Thường trú: 10/9, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

Địa chỉ hiện tại: 75 H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường B, thành phố Đ).

- **Bị đơn:** Ông Bùi Minh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 1, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

(Bà L có đơn xin vắng mặt; ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Giữa bà và ông H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2001, quyền số 01 ngày 21/11/2001.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng gần đây do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột và không còn tôn trọng nhau, vợ chồng đã lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì vậy, bà xác định đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được.

Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

+ *Về con chung*: Có 02 cháu.

1. Cháu Bùi Nguyễn Minh H1, sinh ngày 28/4/2002.

2. Cháu Bùi Nguyễn Hữu N, sinh ngày 21/4/2004.

Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Bà L thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, còn ông H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để đến tham dự phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Bùi Minh H biết đến Tòa làm việc nhưng ông H không có mặt để cung cấp lời khai, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như ý kiến phản bác, do đó không có lời khai của ông H tại hồ sơ, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và những chứng cứ do bà L cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L và ông H vắng mặt nhưng bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không đến tham dự phiên tòa, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, còn ông H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Lan và ông H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2001, quyển số 01 ngày 21/11/2001, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy bà L xin ly hôn nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột, vã nhau, không còn tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời ông H tham dự phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông H không đến dự phiên hòa giải, chứng tỏ ông H không có thiện chí đoàn tụ và mâu thuẫn đã trầm trọng nên việc bà L xin ly hôn là chính đáng. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn ông H.

[3] *Về con chung*: Có 02 cháu.

1. Cháu Bùi Nguyễn Minh H1, sinh ngày 28/4/2002.

2. Cháu Bùi Nguyễn Hữu N, sinh ngày 21/4/2004.

Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Do không ghi được lời khai của ông H nên không có cơ sở xem xét về tài sản, vì vậy các đương sự được quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung nếu có yêu cầu.

[5] *Về nợ chung*: Không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Xử cho bà L được ly hôn ông Bùi Minh H.

2. Về nuôi con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000131 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà L đã nộp đủ án phí.

Bà L, ông H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Võ Văn Toàn